

# **PHÊ PHÁN CƠ SỞ TRIẾT HỌC VÔ CHÍNH PHỦ CỦA STIRNER**

**Nguyễn Công Chiến**

Trường Đại Học Khoa Học Xã hội & Nhân văn

(*Bài nhận ngày 24/04/1999*)

**TÓM TẮT :** Nội dung bài báo nghiên cứu những quan điểm của Mác – Anghen khi vạch trần tính phản động của phái Hegel trẻ nhất là tư tưởng vô chính phủ tiểu tư sản của nhà triết học Đức Maks Stirner trong tác phẩm “Hệ tư tưởng Đức” về quan niệm về tự ý thức, quan điểm triết học duy tâm nhân chủng học, quan điểm về lịch sử

**T**háng 2 năm 1846 tại Brussel (Bỉ), C. Marx đã thành lập “Ủy ban liên lạc cộng sản” nhằm mục đích liên kết phong trào công nhân Đức, Pháp và phong trào Hiến chương ở Anh. Để đặt cơ sở lý luận cho hoạt động thực tiễn đó của phong trào công nhân, C. Marx và Engels đã viết tác phẩm : “Hệ tư tưởng Đức”. Một trong các nhiệm vụ hết sức quan trọng của tác phẩm lý luận này là : vạch trần tính phản động của phái Hegel trẻ, nhất là tư tưởng vô chính phủ tiểu tư sản của nhà triết học Đức Maks Stirner (1806 – 1856) trong tác phẩm “Kẻ duy nhất và sở hữu của nó” của ông ta

## **1. QUAN NIỆM VỀ TỰ Ý THỨC CỦA STIRNER**

Nếu như trong “Gia đình thần thánh” Marx và Engels đã chỉ ra bản chất chủ nghĩa duy tâm tư biện trong các tác phẩm của phái Hegel trẻ, thì trong Chương IV : “Thánh Masơ” của “Hệ tư tưởng Đức” các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác đã làm sáng tỏ nguồn gốc duy tâm tư biện ấy trong những điều kiện xã hội xác định, nghĩa là các ông đã đưa ra nguyên lý cơ bản của triết học lịch sử : nguyên lý hiểu biết duy vật về lịch sử. Đồng thời khi phát triển nguyên lý này Marx - Engels đưa ra một

nguyên tắc nền tảng của hệ tư tưởng Mác xít : Nguyên tắc tính Đảng, khi xem xét, đánh giá, phân tích một học thuyết xã hội nhất thiết phải nghiên cứu nội dung và nguồn gốc giai cấp của nó. Vì “triết học Đức là hệ quả của các mối quan hệ tiểu tư sản Đức”. Ý nghĩa phương pháp luận quan trọng của hiểu biết duy vật về lịch sử, là chỗ ý thức xã hội phản ánh tồn tại xã hội. Chủ nghĩa duy vật lịch sử không chỉ đóng vai trò là học thuyết triết học về sự phát triển của xã hội mà còn là một phương pháp nghiên cứu đặc thù. Marx – Engels đã áp dụng phương pháp này để bác bỏ học thuyết “Thánh Masơ” của Stirner – Một nhà triết học duy tâm khách quan, đại diện chủ nghĩa cá nhân cực đoan và chủ nghĩa vô chính phủ trong chính trị.

Stirner, đại diện tiêu biểu của chủ nghĩa Hegel cánh tả, vẫn trung thành với khái niệm “tự ý thức” của Hegel và cũng như Bau O cho rằng “Tự ý thức” là phạm trù cơ bản nhất của triết học và của cả lịch sử nữa. Nó là “tự ý thức” tự thân duy nhất và không lặp lại.

“Tinh thần tự sáng tạo ra bản thân từ cái không tức là nói đến cái không, nó từ cái không mà trở thành tinh thần” (1-tr. 199)



Stirner vẫn đi tìm bản chất, động lực của hiện thực lịch sử xã hội trong ý thức. Nhiệm vụ cao cả của các nhà triết học trước dân tộc Đức nói riêng và nhân loại nói chung là phải phát hiện, sửa chữa những cái bất hợp lý của ý thức – Khi tính hợp lý của ý thức được hoàn thiện thì sự phản động của nhà nước Phổ sẽ được khắc phục, sự khác nhau cơ bản của Stirner và Hegel là ở chỗ Stirner không coi nhà nước Phổ và đạo cơ đốc là sự biểu hiện cuối cùng, cao nhất của tinh thần tuyệt đối. Đối với ông tinh thần là cái bản chất, có thứ bậc và nó vẫn còn đang trên hành trình tự hoàn thiện “Nhưng nếu tinh thần cũng được coi là cái bản chất, thì dấu sao cũng vẫn có một cái gì đó phân ranh giới giữa kẻ nghèo về tinh thần và người giàu về tinh thần, vì thế mà người ta tìm cách trở thành những người giàu về tinh thần. Tinh thần muốn mở rộng ra, xây dựng vương quốc của nó, một vương quốc không phải ở trên thế giới này, thế giới mà nó vừa chinh phục. Bằng cách ấy tinh thần mong muốn trở thành tất cả trong tất cả” tức là : “Tuy tôi là tinh thần nhưng dấu sao tôi vẫn là tinh thần không hoàn thiện, tôi cần phải đi tìm tinh thần hoàn thiện đã” ( 1- tr. 155)

Suy cho cùng Stirner vẫn chỉ đưa ra sự đồng nhất chân chính giữa “tồn tại” và cái “không” giống như Hegel “Cái gì đó” thần bí mà Stirner vừa nhắc tới là bước đầu của Logic “Duy nhất”. Ý niệm tuyệt đối được chuyển hóa thành “kẻ duy nhất”, “cái tôi ích kỷ” – Tư tưởng này được Stirner trình bày trong tác phẩm “kẻ duy nhất và sở hữu của nó” và được Marx và Engels phê phán xác đáng trong Chương III của cuốn “Hệ tư tưởng Đức”, Stirner nghiên cứu việc của trời, việc của loài người chân lý, tự do nhân đạo, chính nghĩa và thấy rằng tất cả những điều cao cả và thiêng liêng ấy đều chỉ lo

cho lợi ích vị kỷ của bản thân họ. Chính vì thế “về phần tôi, tôi rút ra từ đó một bài học và tốt nhất là bản thân tôi trở thành một kẻ vị kỷ chứ tôi sẽ không phục vụ những người vị kỷ vị đại” ( 1 – tr. 151) Tuyên ngôn của nhà triết học theo “chủ nghĩa vị kỷ có lợi” Stirner tấy yếu sẽ dẫn ông tới cái tôi duy nhất và trên thực tế ông tự cho mình là người duy nhất “Tôi, tức là cái, hoàn toàn cũng như trời, là cái không của của tất cả cái khác, cái tôi là tất cả của tôi, cái tôi là kẻ duy nhất... Tôi là cái Không, theo nghĩa là sự trống rỗng, nhưng tôi là cái không có tính sáng tạo, là cái không mà từ đó bản thân cái tôi, với tính cách là kẻ sáng tạo, sáng tạo ra tất cả” ( 1- tr. 152)

Cái tôi – kẻ duy nhất được đồng nhất với thượng đế. Cá nhân là một cái gì đó tuyệt đối, siêu việt, là đấng sáng tạo ra tất cả. Cái tôi vạn năng chính là tinh thần tuyệt đối. “Nếu tôi, với tư cách là tinh thần, đẩy thế giới ra với một thái độ khinh bỉ sâu sắc thì tôi, với tư cách là những người sở hữu, đẩy tinh thần hoặc quan niệm trở lại tính hư vô của chúng. Chúng không có quyền uy gì đối với tôi nữa, cũng tựa như bất cứ lực lượng thế tục nào đều không có quyền uy đối với tinh thần” ( 1- tr. 163). Cái quyền uy mà Stirner tưởng rằng ông ta chiếm hữu được của tinh thần – một lực lượng tối cao của thế giới, thực ra chỉ là ảo ảnh – ảo ảnh được xây dựng dựa trên chủ nghĩa vị kỷ và tư tưởng vĩ cuồng đáng thương hại. Marx chỉ ra rằng “Ông ta hiểu rằng một chủ nghĩa vị kỷ dựa trên phương thức hành động vị kỷ của những nhân vật ấy nhất định cũng chỉ có thể là ảo tưởng như bản thân những nhân vật ấy” ( tr. 152). Nhưng bi kịch của nhà vị kỷ thuộc phái Hegel trẻ là ở chỗ ông không hiểu được ông đang dựa vào cái tưởng tượng, hư



vô, ảo ảnh để xây dựng tất cả, làm ra tất cả và điều khiển tất cả. Marx – Engels đã cho chúng ta thấy cái vô lý, sự không tưởng hết sức ngây thơ của Stirner. Không thể và không bao giờ quan niệm về thế giới là chính bản thân thế giới. Lại càng không bao giờ có chuyện quan niệm chủ quan về thế giới, sáng tạo ra và quyết định tiến trình của thế giới đó

## **2. QUAN ĐIỂM TRIẾT HỌC DUY TÂM NHÂN CHỦNG HỌC**

Cái tôi của Stirner đã mang sắc thái hoàn toàn duy tâm nhân chủng học. Trên thực tế triết học vị kỷ thuần túy của ông đã đề cao chủ nghĩa cá nhân của giai cấp tư sản, dùng chủ nghĩa vô chính phủ để chống lại hệ tư tưởng tư sản. Triết học nhân chủng học của Stirner cho rằng trên con đường tiến tới tự ý thức của chủ nghĩa vị kỷ chân chính, cá nhân cần phải trải qua ba giai đoạn. Ba giai đoạn của đời người chính là mức độ khác nhau trong sự phát triển của cá nhân. Học thuyết về các giai đoạn của đời người mà Stirner đưa ra không có gì mới, mà chỉ là sự sao chép, cắt xén quan điểm về đời người của Hegel. Hegel chia đời người ra làm bốn giai đoạn vì theo ông thì trong thế giới hiện thực sự phủ định tự xác lập dưới hình thức song trùng, phần này được Hegel trình bày rõ ràng trong phần thứ 3 của “Bách khoa toàn thư”. Tất nhiên, khi xem xét đời người thì Stirner – nói như Marx – “Theo đuổi mục đích riêng của mình” và “đã tạo ra một số bến đổi” có lợi cho ông ta. Marx gọi đây là những trò “ảo thuật” của Thánh Masơ. Chính vì vậy, cuộc đời bốn giai đoạn của con người do Hegel hư cấu nay chỉ còn ba : trẻ con, thanh niên và người lớn. Stirner đã không đề cập đến người già, theo ông giải thích, là vì lý do kinh nghiệm. Stirner viết :

“Trẻ con là duy thực chủ nghĩa, nó bị cầm tù bởi những sự vật này cho đến khi dần dần thâm nhập được vào bản thân những sự vật ấy. Thanh niên là người duy tâm chủ nghĩa, nó được cổ vũ bằng những tư tưởng cho đến khi nhờ có khổ công mà trở thành người lớn, một người lớn vị kỷ chi phối các sự vật và tư tưởng tùy theo sở thích của mình và đặt lợi ích cá nhân của mình lên trên hết” (2-tr 20). Trên cái nền có sẵn và mục đích có sẵn và mục đích có sẵn do chính cái đầu triết học tư liệu của Stirner đã hư cấu, mỗi giai đoạn của cuộc đời cá nhân luôn luôn tự tìm tòi và tự phát hiện ra mình. Khi chúng ta là trẻ con, chúng ta cố gắng nhận thức sự vật, xem xét nguyên nhân của sự vật. Chúng ta phải vượt lên trên sự vật vì chúng ta là tinh thần, nhiệm vụ của trẻ con là thâm nhập vào bản chất của sự vật, rình xem sự vật có những nhược điểm và khiếm khuyết gì. Một đứa trẻ – giai đoạn đầu tiên của loài người – Stirner đã xem nó như là một nhà siêu hình học, nhà siêu hình học này có một khả năng tư duy tư biện rất sáng suốt. Vì nó rất yêu và rất muốn tìm hiểu bản chất của các sự vật, của thế giới nên công việc của nó là khám phá thế giới. Khi nó đã khám phá ra bản chất của thế giới, của mọi sự vật rồi nó sẽ trưởng thành.

Nó sẽ trở thành chàng thanh niên. Nó bước sang giai đoạn mới vì nó đã chiến thắng thế giới, đã trở thành tinh thần. Một nhiệm vụ nặng nề nhưng vinh quang đang đợi chàng thanh niên. Anh ta phải tiến hành cuộc đấu tranh một mất một còn với lý tính. Đây là sự tự phát hiện lần thứ nhất của tinh thần. Nếu như đứa trẻ chống lại toàn thế giới và toàn thế giới chống lại nó, hai bên rình rập những nhược điểm của nhau thì thanh niên chỉ chuyên tâm và một việc tìm hiểu tinh thần : “Nó tạo ra tu



tưởng thuần túy, say mê tư tưởng thuần túy, đó là niềm vui của tuổi thanh niên và tất cả những hình tượng chói lọi của thế giới tư duy – chân lý, tự do, loài người, con người... Đều soi sáng và cổ vũ tâm hồn trẻ” (1 – Tr. 154) vinh quang và rạng rỡ thay cho chàng thanh niên của Stirner, nhưng tiếc thay như Marx nói – chàng thanh niên ấy là giả, là sản phẩm hư cấu của một bộ óc tư biện, cho nên vinh quang cũng giả dối nốt. Tuy thế tinh thần của Stirner nhất định phải mang bộ mặt người, nghĩa là tinh thần ở cấp cao hơn. Tinh thần còn phải trải qua quá trình tự nhận thức bản thân nó lần thứ hai. Nhà triết học lưu ý chúng ta rằng tinh thần luôn luôn phải hoàn thiện, đi từ hoàn thiện ít đến hoàn thiện nhiều. Và dĩ nhiên thanh niên bắt buộc phải thành người lớn, thành bằng cách nào thì Stirner không giải thích.

Cái khác cơ bản giữa thanh niên và người lớn là người lớn nắm thế giới đúng như nó đang tồn tại. Người lớn đã thoát khỏi quyền lực của mọi vật và của tinh thần. Lịch sử cuộc đời con người kết thúc khi tự ý thức trở về với bản thân nó, trở thành tự ý thức của cái tôi, của kẻ duy nhất. Khi chinh phục được ý thức của chính bản thân mình thì kẻ duy nhất trở thành vạn năng.

Marx, Engels đã phơi bày cái tinh thần vô căn cứ của nhà triết học này. Sự tự phát hiện của cá nhân chỉ thuần túy là những quan hệ của ý thức. Stirner đã không xem xét cội nguồn xã hội, các yếu tố có tác động quyết định đến sự thay đổi của ý thức. Thế giới có sẵn mà Stirner đã vạch ra cho cuộc đời con người chẳng có liên quan gì đến thế giới hiện thực. Chính những điều kiện khác nhau của xã hội (tồn tại xã hội) ảnh hưởng đến đời sống cá nhân và tác động đến tư tưởng của cá nhân, chứ không

phải ngược lại. Stirner phớt lờ các điều kiện khách quan ảnh hưởng đến tinh thần, theo Marx không phải là không có dụng ý. Ông ta không quan tâm tới lịch sử, dân tộc, giai cấp, đời sống vật chất xã hội vì bản chất giai cấp của triết học của mình “Ông ta thổi phồng cái ý thức thống trị của giai cấp gần với ông ta nhất trong hoàn cảnh chung quanh ông ta đến mức để nó lên thành ý thức bình thường của đời sống con người” (1 – Tr. 165). Bất cứ một học thuyết triết học nào cũng đều có tính giai cấp của nó, và các vị tiền bối của chủ nghĩa Marx đã vạch ra cốt lõi giai cấp trong học thuyết của của Stirner

### **3. QUAN ĐIỂM VỀ LỊCH SỬ CỦA STINER**

Stirner bắt chước Hegel, mượn hiện tượng tinh thần của Hegel, thêm một số phạm trù của triết học phương Bắc, mưu toan quy lịch sử của triết học lịch sử của loài người. Chủ nghĩa vị kỷ, sau khi thoát khỏi mọi khiếm khuyết do sự yếu mềm của con người tạo, là kết quả quan trọng nhất của lịch sử thế giới. Lịch sử của cá nhân trong quá trình tự nhận thức mình để vươn tới bản chất đích thực được coi là lịch sử xã hội. Dưới con mắt của Stirner lịch sử được quy về lịch sử của đời người, quy về lịch sử của kẻ duy nhất, của cái tôi với một đầu óc tư biện và kinh viện. Lịch sử thực tế của nhân loại được ông đưa vào trong khuôn mẫu do chính ông nghĩ ra. Động lực của quá trình lịch sử đương nhiên không thể nằm ngay chính trong xã hội loài người, động lực ấy, theo Stirner chỉ có thể là cái tinh thần, là các ý niệm trừu tượng. Toàn bộ lịch sử hiện thực đã được ông vạch ra một kết cục có sẵn và tất nhiên nó phải diễn ra theo ý đồ của ông – kẻ duy nhất. “Toàn bộ lịch sử của kẻ duy nhất xoay quanh ba giai đoạn : trẻ con – thanh niên



và người lớn, ba giai đoạn ấy luôn luôn quay trở lại với những biến đổi” và với những vòng ngày càng rộng hơn, cho đến lúc, cuối cùng toàn bộ lịch sử của thế giới sự vật và thế giới tinh thần được quy vào ba yếu tố : trẻ con, thanh niên và người lớn mới thôi” (1 – Tr. 167). Marx, Engels chỉ ra rằng Stirner hoàn toàn đứng trên quan điểm duy tâm khi xem xét sự phát triển của lịch sử nhân loại, lịch sử hiện hữu của loài người về thành lịch sử triết học và ngay cả lịch sử triết học cũng bị ông hiểu sai luôn. Hơn thế nữa, lịch sử của các ý niệm, tinh thần cũng được ông hư cấu và chấp vá tùy ý.

“Lịch sử trở thành lịch sử đơn thuần của những tư tưởng có sẵn, thành lịch sử của tinh thần và bóng ma, còn lịch sử hiện thực, kinh nghiệm, cơ sở của cái lịch sử, của bóng ma ấy thì người ta chỉ lợi dụng để đem lại một thể xác cho những bóng ma ấy, người ta mượn của lịch sử đó những cái tên cần thiết để khoác cho những bóng ma ấy cái vỏ hiện thực mà thôi” (1- Tr. 168), vì không hiểu được rằng chính lịch sử hiện thực quyết định lịch sử tinh thần, chính “thể xác” xác định “bóng ma” chứ không phải ngược lại, cho nên Stirner không thể đồng ý với các tác giả của “hệ tư tưởng Đức” cho rằng “động lực của lịch sử toàn thế giới, triết học, tôn giáo hay bất kỳ học thuyết tư tưởng nào nằm ngay trong bản thân lịch sử hiện thực”.

Chính “cuộc sống đời thường” các mối quan hệ kinh tế, các mối quan hệ giao tiếp và lợi ích của các tầng lớp, giai cấp trong xã hội, các mâu thuẫn về mọi lĩnh vực, các cách giải quyết các mâu thuẫn đó của họ mới là động lực chính của lịch sử, mới là cái quy định, dẫn dắt các quan niệm về lịch sử tinh thần. Lịch sử thế giới hiện thực quy định lịch sử của tinh thần, tự ý thức, vì thế

Stirner đi tìm động lực, bản thể của triết học tôn giáo, lịch sử xã hội loài người trong một mô các khái niệm như “tự ý thức”, “thượng đế”. Đứng trên quan điểm duy tâm về lịch sử thì ông làm sao hiểu được vai trò của cơ sở vật chất của cái bản thể ông đưa ra. Quan hệ giao tiếp và phương thức sản xuất quyết định tư tưởng, triết học, tôn giáo. Những khái niệm của Stirner nếu đem tách khỏi cơ sở hiện thực của chúng thì chúng chỉ là “quái ảnh” hay “huyền tưởng”. Tư tưởng tinh thần không bao giờ trở thành một cái gì đó quyết định, độc lập, thống trị thế giới và chi phối lịch sử.

Marx, Engels đã chỉ ra “nhầm lẫn” đặc thù không những của Stirner mà cả của phái Hegel về vai trò của tự ý thức, về mối quan hệ của tự ý thức với tồn tại. Chủ nghĩa vị kỷ trong triết học phê phán của Stirner lúc đầu được coi là sự phủ định nhà nước, tổ quốc, dân tộc...nhưng trên thực tế chỉ là sự phủ định những “hư cấu” trống rỗng mà nhà triết học trị giá cho nhân vật của mình. Các nhà kinh điển của chủ nghĩa Marx đã đứng trên quan điểm duy vật chủ nghĩa để xem xét triết học phê phán trong vấn đề mối quan hệ giữa tư duy và tồn tại, đồng thời khẳng định bản chất duy tâm của thứ triết học đó. Qua việc phân tích mối quan hệ giữa triết học và thế giới, các ông đã chỉ ra sự tác động lẫn nhau giữa tư duy và tồn tại, giữa tinh thần và hiện thực cụ thể. Quan hệ giữa triết học và thế giới, giữa tự ý thức và hiện thực cụ thể, lúc đầu vốn là sự đối lập, nhưng thực chất đó là một sự tác động biện chứng lẫn nhau. Trong mối quan hệ biện chứng ấy thế giới hiện thực giữ vai trò quyết định. Tinh thần với tính cách là tự ý thức không đối lập với tồn tại, mà nó phản ánh tồn tại đó.

Trong triết học của mình Stirner mưu toan tìm kiếm một tam đoạn thức trong lịch



sử thế giới : trẻ con, thanh niên và người lớn. Ông bắt lịch sử tư tưởng (lịch sử triết học) sản sinh ra lịch sử vật chất. Đối với ông thời cổ đại chính là trẻ con, trung cổ là thanh niên còn lịch sử cận đại là quá trình chuyển tiếp quá độ tới tự ý thức của người lớn. Người cổ đại – trẻ con là những người duy thực chủ nghĩa, luôn luôn lệ thuộc vào sự vật, họ là người cổ vì họ không phải là tín đồ cơ đốc giáo, chưa phải hoặc là những tín đồ tiềm ẩn của đạo cơ đốc giáo.

Lịch sử cổ đại và con người cổ đại được xem là sự biểu hiện của tinh thần chủ quan. Lịch sử hiện thực không được đếm xỉa đến và thậm chí “thoát khỏi càng nhanh càng tốt”. Người trung cổ – là chàng thanh niên của Stirner – những người vị kỷ duy tâm chủ nghĩa, những người luôn biết hy sinh, và “tin rằng lời nói của thượng đế là chân lý vĩnh cửu và không thể lay chuyển nổi”. Người cận đại là sự thống nhất giữa chủ nghĩa duy thực và chủ nghĩa duy tâm. Người vị kỷ chân chính – một tín đồ cơ đốc lệ thuộc vào tư tưởng. Tinh thần đang tiến tới đỉnh cao của nó – đang trở thành tự ý thức hay tinh thần hoàn thiện hơn.

Ở đây Stirner cho rằng sự thống trị của tinh thần trở nên vạn năng và rộng lớn. Nó không tách rời khỏi nguyên tắc tôn giáo, nghệ thuật nhà nước rút hoàn toàn ra khỏi hiện thực để đưa chúng lên vương quốc của

tinh thần. Quan điểm này của Stirner được Marx – Engels nhận xét như sau : “quan điểm ấy về lịch sử cận đại thuật lại một cách dài dòng cái ảo tưởng củ rích của triết học tư biện về sự thống trị của tinh thần trong lịch sử” ( 1- Tr. 236) “Về lịch sử thế tục hiện đại, Thánh Masơ sùng đạo, không nói được một cái gì hiện thực và một cái gì thế tục cả, ngoài việc luôn luôn đem các lịch sử đó dưới những tên gọi là “Giới tự nhiên”, “thế giới sự vật”, “thế giới của trẻ con”.....

Đối lập với ý thức, vì ông coi lịch sử ấy là đối tượng của những tư biện của ý thức, là một thế giới, mặc dù không ngừng bị tiêu diệt, vẫn tiếp tục tồn tại trong bóng đêm thần bí để rồi xuất hiện trở lại mỗi khi có cơ hội thuận lợi” ( 1- Tr. 173 – 174).

Những sai lầm của nhà triết học Đức được Marx – Engels chỉ ra trong “Hệ tư tưởng Đức” cho thấy : Vị trí giai cấp, bản chất giai cấp, quan điểm duy tâm tư biện trong hiểu biết về lịch sử, không cho phép các nhà triết học của Hegel – không có khả năng trên đoán về xã hội tương lai của nhân loại và không biết cách ngăn của sự phát triển của chủ nghĩa tư bản. Hơn nữa, với vị trí giai cấp của mình, các nhà triết học Đức này luôn luôn bảo vệ hệ tư tưởng giai cấp tư sản và thậm chí bảo vệ lợi ích của chủ nghĩa tư bản nói chung.

**CRITICIZE THE UNDERLYING ANARCHICAL PHILOSOPHY EXPOUNDED BY  
MAKS STIRNER**

**Nguyen Cong Chien**

**ABSTRACT :** The article examines Marx & Engels's criticism of the reactionary features of the young Hegel's school of philosophy, especially Maks Stirner's petit-bourgeois, anarchical philosophy expressed in his book, “The German Mentality”, in which he describes the concepts of self - consciousness, anthropological philosophy and the historical perspective.

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

- [1] Mác – Ăng ghen Toàn tập, tập 3, NXB Sự thật, Hà Nội 1995.  
[2] “Kẻ duy nhất và sở hữu của nó – Maks Stirner. 1844